

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2020/DS-PT

Ngày: 21-4-2020

“V/v tranh chấp kiện đòi tài sản”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

-Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có :

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa : Ông Vũ Thanh Tuấn.

Các Thẩm phán: Ông Bùi Đăng Huy.

Bà Phạm Thị Khánh Thiện.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Sơn – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương: Bà Phạm Thị Thùy-Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 21/4/2020, tại trụ sở, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 69/2019/TLPT-DS ngày 25/12/2019 về việc tranh chấp kiện đòi tài sản.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 14/2019/DS-ST ngày 08/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 21/2020/QĐ-PT ngày 25/02/2020; Thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa số 21/2020/TB-TA ngày 11/3/2020; Thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa số 29/2020/TB-TA ngày 13/4/2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Phạm Thị T, sinh năm 1970;

Địa chỉ: Xóm C, thôn C, xã T, huyện T, tỉnh Hải Dương. Có mặt.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị T1, sinh năm 1951;

Địa chỉ: Xóm 6, thôn C, xã T, huyện T, tỉnh Hải Dương. Có mặt.

Do có kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị T1, sinh năm 1951.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, các tài liệu có trong hồ sơ, quá trình tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn bà Phạm Thị T trình bày: Do là người cùng thôn, ngày 08/4/2012, bà cho bà T1 vay 130.000.000đồng. Khi nhận đủ tiền, bà T1 viết giấy ghi nợ. Giấy này bà đã giao nộp cho Tòa án. Nguồn tiền cho vay là tiền riêng của bà không liên quan đến chồng con trong gia đình. Về lãi suất, bà T1 tự trả 3%/1 tháng. Bà T1 đã trả được 5.000.000đồng tiền lãi. Sau khi cần tiền để làm ăn, bà đã đòi bà T1 nhiều lần, bà T1 không trả. Nay bà yêu cầu bà T1 phải trả 130.000.000 đồng tiền gốc, tự nguyện không yêu cầu giải quyết lãi.

Bị đơn bà Nguyễn Thị T1 có lời khai xác định vay của bà T 130.000.000đồng, với mức lãi suất 3000đồng/1 triệu/ngày. Bà xác định đã trả bà T được số tiền là 5.000.000đ. Bà T1 đề nghị xem xét lại số lãi bà đã trả trước đây vì quá cao so với quy định của pháp luật. Bà T1 xác định không cung cấp được tài liệu, chứng cứ về việc đã trả bà T bao nhiêu tiền lãi. Hiện nay, do làm ăn thua lỗ nên không có tiền trả bà T.

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn xác định bị đơn đã trả được 10.000.000 đồng, tự nguyện trừ số tiền lãi bị đơn trả vượt quá quy định 1,125%/tháng vào số tiền gốc sau khi trừ đi số tiền lãi phải trả.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 14/2019/DS – ST ngày 08/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương đã áp dụng các Điều 8, 11, 164, 166, 275, 280, 357, 463, 466, 468, 688 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 26 Luật thi hành án dân sự năm 2015; Điều 476 Bộ luật dân sự năm 2005; Quyết định 2868/QĐ-NHNN ngày 29/11/2010 của Ngân hàng nhà nước; khoản 2 Điều 26 khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự. Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, Xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị T; ghi nhận sự tự nguyện của bà Phạm Thị T đối trừ số tiền lãi suất bà T1 đã trả vượt quá mức lãi suất 1,125%/tháng vào số nợ gốc, sau khi trừ đi số tiền lãi phải trả; Buộc bà Nguyễn Thị T1 phải có trách nhiệm trả cho

bà Phạm Thị T số tiền nợ gốc là 121.462.500. Ngoài ra, Bản án còn tuyên về lãi suất chậm trả, án phí và quyền kháng cáo của đương sự theo quy định.

Ngày 21/11/2019, bà Nguyễn Thị T1 kháng cáo yêu cầu Tòa án tỉnh Hải Dương xác định số tiền lãi bà đã trả cho bà T theo lãi suất hai bên đã thỏa thuận là 3.000đồng/1 triệu/ngày và bà đã trả cho bà T với tổng số tiền gốc + lãi là 16.700.000 đồng. Đối trừ đi số tiền lãi mà pháp luật cho phép là 1.462.500 đồng thì tiền chênh lệch giữa số tiền bà đã trả so với tiền lãi mà pháp luật cho phép là: $16.700.000 - 1.462.500 = 15.237.500$ đồng. Bà đề nghị trừ số tiền bà trả quá mức pháp luật cho phép vào số tiền gốc: $130.000.000$ đồng $- 15.237.500$ đồng $= 114.762.500$ đồng và xác định bà chỉ phải trả cho bà T số tiền 114.762.500 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Nguyên đơn bà Phạm Thị T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và xác định bà T1 đã trả được 10.000.000 đồng tiền lãi, bà tự nguyện trừ số tiền lãi bị đơn trả vượt quá quy định 1,125%/1 tháng vào số tiền gốc sau khi trừ đi số tiền lãi phải trả theo quy định của pháp luật. Bà T không chấp nhận nội dung kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị T1. Đề nghị Tòa án giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Bị đơn bà Nguyễn Thị T1 xác định có vay của bà T 130.000.000 đồng, với mức lãi suất 3000 đồng/1 triệu/ngày. Tuy nhiên, bà không có tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh việc thỏa thuận mức lãi suất 3000 đồng/1 triệu/ngày, cũng như số tiền lãi đã trả trước thời điểm năm 2012. Bà T1 xác định từ ngày 08/4/2012 đến nay chỉ thanh toán được 5.000.000đ cho bà T. Không có việc bà đã trả bà T số tiền gốc + lãi là 16.700.000 đồng. Nếu bà T xác định là đã trả được 10.000.000đ thì bà không có ý kiến gì chỉ yêu cầu Tòa án xem xét lãi của các khoản vay trước năm 2012.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý đến thời điểm xét xử Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về hướng giải quyết vụ án: Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và lời khai của các đương sự tại phiên tòa, đề nghị HĐXX không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 14/2019/DS-ST ngày 08/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương; về án phí do bà T1 là người cao tuổi nên được miễn án phí phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Bà Nguyễn Thị T1 kháng cáo trong thời gian luật định là kháng cáo hợp lệ nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Về nội dung:

[2]. Xét kháng cáo của bị đơn, HĐXX thấy: Nguyên đơn là bà Nguyễn Thị T và bị đơn bà Nguyễn Thị T1 đều thừa nhận việc bị đơn bà T1 có vay của bà T số tiền 130.000.000đồng. Bị đơn bà T1 chỉ kháng cáo về số tiền thỏa thuận trả lãi 3.000đồng/1 triệu/ngày. Tại Tòa án cấp sơ thẩm, bà T1 cho rằng đã trả cho bà T với tổng số tiền gốc + lãi là 16.700.000đồng. Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm, bà T1 xác định từ ngày 08/4/2012 bà vay số tiền 130.000.000đ đến nay chỉ thanh toán được 5.000.000đ cho bà T, số tiền chưa trả là 125.000.000đ. Nếu bà T xác định là đã trả được 10.000.000đ thì bà không có ý kiến gì chỉ yêu cầu Tòa án xem xét lãi 3.000đồng/1 triệu/ngày của các khoản vay trước năm 2012. Xét thấy, yêu cầu của bà T1 xem xét đối với các khoản vay trước năm 2012 là không phù hợp, không thuộc phạm vi giải quyết trong vụ án này. Hơn nữa, phía bị đơn không đưa ra được tài liệu, chứng cứ nào về việc thỏa thuận lãi và trả lãi 3.000đồng/1 triệu/ngày. Phía nguyên đơn xác định bà T1 đã thực hiện việc thanh toán số tiền 10.000.000đồng bao gồm cả tiền lãi. Do mức lãi suất các đương sự khai nhận là khác nhau và không phù hợp pháp luật nên áp dụng Điều 476 Bộ luật dân sự năm 2005 quy định lãi suất do các bên thỏa thuận nhưng không được vượt quá 150% của lãi suất cơ bản do Ngân hàng nhà nước công bố. Theo quyết định số 2868/QĐ-NHNN ngày 29/11/2010 của nhân hàng Nhà nước thì mức lãi suất cơ bản bằng đồng Việt Nam là 9%/năm. Như vậy mức lãi tối đa mà pháp luật cho phép các bên thỏa thuận năm 2012 là 13,5%/năm tương đương 1,125%/tháng. Với quy định trên, bà T1 chỉ có trách nhiệm trả bà T 1.462.500 đồng tiền lãi. Như vậy, bà T1 đã trả bà T số tiền 10.000.000đồng, trong đó lãi 01 tháng là 1.462.500 đồng, số tiền gốc đã trả là 8.537.500đồng. Quá trình chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa, nguyên đơn không yêu cầu khoản tiền lãi chưa trả mà chỉ yêu cầu trả số tiền nợ gốc. Xét thấy, đây là sự tự nguyện của phía nguyên đơn. Do đó, TAND huyện Thanh Hà đã quyết định buộc bà Nguyễn Thị T1 phải có trách nhiệm trả cho bà Phạm Thị T số tiền nợ gốc là

121.462.500đồng là phù hợp pháp luật. Hội đồng xét xử xét thấy không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà T1 mà giữ nguyên bản án Dân sự sơ thẩm số 14/2019/DS-ST ngày 08/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương.

Về án phí phúc thẩm: Kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị T1 không được chấp nhận, tuy nhiên bà T1 là người cao tuổi nên được miễn toàn bộ án phí dân sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự:

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị T1. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 14/2019/DS-ST ngày 08/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương.

Căn cứ vào các Điều 164, 166, 275, 280, 357, 463, 466, 468, 688 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 26 Luật thi hành án dân sự năm 2015; Điều 476 Bộ luật dân sự năm 2005; Quyết định 2868/QĐ-NHNN ngày 29/11/2010 của Ngân hàng nhà nước; khoản 2 Điều 26 khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị T.
2. Xác định bà Nguyễn Thị T1 vay của bà Phạm Thị T số tiền 130.000.000đồng.

Xác định bà Nguyễn Thị T1 đã thanh toán cho bà Phạm Thị T số tiền lãi là 1.462.500đồng và số tiền gốc đã trả là 8.537.500đồng. Số tiền nợ gốc bà T1 chưa thanh toán là 121.462.500đồng.

Buộc bà Nguyễn Thị T1 phải trả cho bà Phạm Thị T số tiền nợ gốc là 121.462.500đồng (*Một trăm hai mươi một triệu bốn trăm sáu mươi hai nghìn năm*

trăm đồng).

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn thi hành án mà người phải thi hành án chưa thi hành thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo quy định tại khoản 2 Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về án phí DSST: Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho bà Nguyễn Thị T1. Hoàn trả cho bà Phạm Thị T 3.250.000 đồng (*Ba triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2017/0005680 ngày 19/9/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương.

Về án phí DSPT: Miễn toàn bộ án phí dân sự phúc thẩm cho bà Nguyễn Thị T1.

Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án 21/4/2020./.

Người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhân:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- TAND huyện Thanh Hà;
- Chi cục THADS huyện Thanh Hà;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.
- Lưu VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Vũ Thanh Tuấn